

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP  
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH416**

**Thực tập chuyên ngành**

**BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP  
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM**

**Học Kỳ II năm học 2014-2015**

| STT | Mã số SV      | Họ               | Tên  | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú          |
|-----|---------------|------------------|------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|------------------|
| 1   | DTK1151020231 | Hoàng Bảo        | An   | 10/4/1993 | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |                  |
| 2   | DTK1151060001 | Lê Thị Ngọc      | An   | 25/07/93  | 7  | 8  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |                  |
| 3   | DTK0851020317 | Tôn Văn          | Anh  | 10/8/1990 | 5  |    | B  |    | 1,3        | Thiếu Ban |                  |
| 4   | DTK0951030149 | Nguyễn Tú        | Anh  | 26/12/91  | 6  | 5  | 8  | 7  | 6,5        | Đạt       |                  |
| 5   | DTK0951060147 | Bùi Tuấn         | Anh  | 15/07/91  | 8  | 8  | 7  | 9  | 8,0        | Đạt       |                  |
| 6   | DTK1051020167 | Nguyễn Tuấn      | Anh  | 20/08/92  | 6  | b  |    | 6  | 3,0        | Thiếu Ban |                  |
| 7   | DTK1151020004 | Đinh Ngọc        | Anh  | 10/8/1993 | 6  | 8  | 6  | 7  | 6,8        | Đạt       |                  |
| 8   | DTK1151020065 | Nguyễn Thị Hồng  | Anh  | 3/3/1993  | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |                  |
| 9   | DTK1151020233 | Phạm Tuấn        | Anh  | 22/04/92  | 8  | 6  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |                  |
| 10  | DTK1151020234 | Nguyễn Đăng Tuấn | Anh  | 15/03/93  | 4  | 6  | 6  | 8  | 6,0        | Đạt       |                  |
| 11  | DTK1151020351 | Nguyễn Tuấn      | Anh  | 30/12/93  | 8  | 5  | 5  | 7  | 6,3        | Đạt       |                  |
| 12  | DTK1151030064 | Nguyễn Thị       | Anh  | 7/8/1993  | 9  | 4  | 7  | 7  | 6,8        | Đạt       |                  |
| 13  | DTK1151030179 | Nguyễn Thị       | Anh  | 4/4/1993  | 9  | 8  |    | 7  | 6,0        | Thiếu Ban |                  |
| 14  | K125520216086 | Đoàn Tuấn        | Anh  | 28/08/93  | 6  | 8  | 5  | 6  | 6,3        | Đạt       |                  |
| 15  | DTK1151030058 | Trần Thị Ngọc    | ánh  | 8/3/1993  | 8  | 7  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |                  |
| 16  | 1141100024    | Vì Văn           | Ba   | 30/07/90  | 8  |    | 8  |    | 4,0        | Thiếu Ban |                  |
| 17  | DTK0951020504 | Phạm Văn         | Bắc  | 20/01/90  | 6  | 8  | 6  | 8  | 7,0        | Đạt       | Học theo nhu cầu |
| 18  | DTK1151020413 | Nguyễn Văn       | Bắc  | 6/12/1992 | 6  | 5  | 8  |    | 4,8        | Thiếu Ban |                  |
| 19  | DTK1151030068 | Trần Việt        | Bắc  | 31/05/93  | 8  | 6  | 8  | 8  | 7,5        | Đạt       |                  |
| 20  | DTK1151020352 | Hoàng Văn        | Bằng | 6/5/1992  |    |    |    | 7  | 1,8        | Thiếu Ban |                  |
| 21  | DTK1151020005 | Hà Quý           | Bảo  | 21/12/93  | 7  | 7  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |                  |
| 22  | DTK1151020412 | Nguyễn Văn       | Bảo  | 16/10/92  | 6  | 6  | 8  | 7  | 6,8        | Đạt       |                  |
| 23  | DTK1151020180 | Hoàng Văn        | Biên | 9/5/1991  |    | 5  | 6  | 6  | 4,3        | Thiếu Ban |                  |
| 24  | 11110750008   | Đặng Thái        | Bình | 27/03/89  | b  | 7  | 8  | 8  | 5,8        | Thiếu Ban |                  |
| 25  | DTK0951020577 | Nguyễn Thanh     | Bình | 7/5/1990  | 7  | 5  | 7  | 7  | 6,5        | Đạt       |                  |
| 26  | DTK1151020235 | Vũ Ngọc          | Bình | 5/4/1993  | 8  | 8  |    |    | 4,0        | Thiếu Ban |                  |
| 27  | K125520216007 | Nguyễn Văn       | Bình | 6/4/1994  | 8  | 8  | 5  | 6  | 6,8        | Đạt       |                  |

| STT | Mã số SV      | Họ           | Tên    | Ngày sinh  | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú          |
|-----|---------------|--------------|--------|------------|----|----|----|----|------------|-----------|------------------|
| 28  | DTK1151020294 | Nguyễn Thị   | Cảnh   | 9/2/1993   | 8  | 8  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |                  |
| 29  | DTK0951020434 | Phan Văn     | Chi    | 18/03/91   |    |    |    | 8  | 2,0        | Thiếu Ban |                  |
| 30  | DTK1051020419 | Bùi Minh     | Chiến  | 14/02/92   | 8  | 7  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |                  |
| 31  | DTK1151030327 | Nguyễn Văn   | Chiến  | 5/3/1993   | 8  | 7  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |                  |
| 32  | DTK0951030009 | Dương Văn    | Chính  | 13/07/89   |    |    | 8  | 6  | 3,5        | Thiếu Ban |                  |
| 33  | DTK1151020006 | Hoàng Văn    | Chính  | 18/11/93   | 8  | 8  | 6  | 8  | 7,5        | Đạt       |                  |
| 34  | DTK1151020416 | Lộc Văn      | Chức   | 18/10/92   | 9  | 6  | 5  | 7  | 6,8        | Đạt       |                  |
| 35  | DTK0951020506 | Nguyễn Bá    | Chung  | 18/07/91   | 1  | B  | 4  | 6  | 2,8        | Thiếu Ban |                  |
| 36  | DTK1051020091 | Nguyễn Thành | Chung  | 25/06/92   |    |    |    | b  | 0,0        | Thiếu Ban |                  |
| 37  | DTK1151020417 | Nguyễn Công  | Chuyên | 3/6/1993   | 5  | 6  | 6  | 7  | 6,0        | Đạt       |                  |
| 38  | 1141080003    | Hoàng Văn    | Chuyên | 19/11/89   | 4  | 6  | 6  |    | 4,0        | Thiếu Ban |                  |
| 39  | 1141080003    | Hoàng Văn    | Chuyên | 19/11/89   |    |    |    | 3  | 0,8        | Thiếu Ban |                  |
| 40  | DTK1151020237 | Nguyễn Đức   | Cơ     | 19/06/93   | 10 | 7  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |                  |
| 41  | DTK1151020181 | Nguyễn Thành | Công   | 14/07/93   | 8  | 5  | 8  | 6  | 6,8        | Đạt       |                  |
| 42  | DTK1151020239 | Trần Thị     | Cúc    | 16/04/93   | 6  | 6  | 6  | 5  | 5,8        | Đạt       |                  |
| 43  | DTK1151020067 | Phạm Đình    | Cương  | 4/4/1993   | 8  | 7  | 8  | 5  | 7,0        | Đạt       |                  |
| 44  | DTK1151020068 | Phạm Huy     | Cương  | 15/10/93   | 5  |    | 8  | 6  | 4,8        | Thiếu Ban |                  |
| 45  | DTK1151020293 | Trần Quốc    | Cương  | 21/09/93   | 9  | 8  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |                  |
| 46  | DTK0951020006 | Lê Minh      | Cường  | 13/08/91   | 8  | 5  | B  | 7  | 5,0        | Thiếu Ban |                  |
| 47  | DTK0951020221 | Nguyễn Mạnh  | Cường  | 23/09/91   | K  | 5  | 6  | 6  | 4,3        | Thiếu Ban |                  |
| 48  | DTK1151020069 | Trần Đình    | Cường  | 22/11/93   | 8  | 6  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |                  |
| 49  | DTK1151020353 | Phạm Đức     | Cường  | 29/05/93   | 8  | 5  | 5  | 7  | 6,3        | Đạt       |                  |
| 50  | DTK1151060003 | Trần Xuân    | Cường  | 7/9/1993   | 8  | 7  | 8  | 6  | 7,3        | Đạt       |                  |
| 51  | DTK1051020427 | Nguyễn Vũ    | Đại    | 10/12/1991 |    |    | 8  | 8  | 4,0        | Thiếu Ban | Học theo nhu cầu |
| 52  | DTK1151020117 | Lưu Văn      | Đại    | 16/10/93   | 1  | 8  | 8  | 6  | 5,8        | Đạt       |                  |
| 53  | DTK1151020494 | Nguyễn Văn   | Đại    | 17/11/93   | 8  |    |    |    | 2,0        | Thiếu Ban |                  |
| 54  | DTK1151030171 | Hà Quang     | Đại    | 13/09/93   | 9  | 7  | 5  | 7  | 7,0        | Đạt       |                  |
| 55  | 1141100013    | Quảng Thị    | Dần    | 18/04/91   | 4  | 8  | 5  | 7  | 6,0        | Đạt       |                  |
| 56  | DTK1151030124 | Phạm Văn     | Dặng   | 22/02/93   |    | 8  | 7  |    | 3,8        | Thiếu Ban |                  |
| 57  | 971020003     | Phùng Đức    | Đạt    | 11/12/1991 | 8  | B  | K  | B  | 2,0        | Thiếu Ban |                  |
| 58  | DTK0851020097 | Đồng Văn     | Đạt    | 13/05/90   | 1  |    |    |    | 0,3        | Thiếu Ban |                  |
| 59  | DTK1051020615 | Hoàng Tiến   | Đạt    | 10/11/1992 | 4  |    |    |    | 1,0        | Thiếu Ban |                  |

| STT | Mã số SV      | Họ           | Tên   | Ngày sinh  | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú          |
|-----|---------------|--------------|-------|------------|----|----|----|----|------------|-----------|------------------|
| 60  | DTK1151020118 | Lê Văn       | Đạt   | 11/3/1993  | 8  | 8  |    | 8  | <b>6,0</b> | Thiếu Ban |                  |
| 61  | DTK0851020101 | Đặng Văn     | Đệ    | 5/3/1989   | 8  | 7  | B  | B  | <b>3,8</b> | Thiếu Ban |                  |
| 62  | DTK1151030118 | Hoàng Thị    | Điệp  | 1/11/1993  | 9  | 8  | 6  | 7  | <b>7,5</b> | Đạt       |                  |
| 63  | DTK0851030015 | Hoàng Văn    | Điều  |            | K  | 6  | K  | K  | <b>1,5</b> | Thiếu Ban |                  |
| 64  | DTK1151030330 | Ngô Văn      | Đình  | 29/05/93   | 7  | 7  | 7  | 8  | <b>7,3</b> | Đạt       |                  |
| 65  | DTK1151020361 | Vũ Duy       | Đĩnh  | 12/2/1992  | 1  | 6  | 7  | 6  | <b>5,0</b> | Đạt       |                  |
| 66  | DTK1151020061 | Hoàng Văn    | Đĩnh  | 24/06/93   | 7  | 7  | 6  | 7  | <b>6,8</b> | Đạt       |                  |
| 67  | DTK1151020062 | Nguyễn Phú   | Đĩnh  | 13/10/93   | 8  | 8  | 8  | 5  | <b>7,3</b> | Đạt       |                  |
| 68  | DTK1151020116 | Nguyễn Thành | Đô    | 18/07/93   | 6  | 6  | 8  | 6  | <b>6,5</b> | Đạt       |                  |
| 69  | K125520201004 | Trần Văn     | Độ    | 18/07/94   | b  |    |    |    | <b>0,0</b> | Thiếu Ban |                  |
| 70  | DTK1151020003 | Vũ Khắc      | Đoàn  | 28/02/93   | 8  | 7  | 5  | 6  | <b>6,5</b> | Đạt       |                  |
| 71  | DTK1151030062 | Tổng Văn     | Đoàn  | 20/04/93   | 7  | 7  | 8  | 8  | <b>7,5</b> | Đạt       |                  |
| 72  | DTK1051020338 | Phạm Văn     | Doanh | 3/3/1992   | 9  |    | 6  | 9  | <b>6,0</b> | Thiếu Ban | Học theo nhu cầu |
| 73  | DTK1151030013 | Chu Văn      | Doanh | 6/9/1993   | 7  | 7  | 6  | 8  | <b>7,0</b> | Đạt       |                  |
| 74  | DTK0851020248 | Mai Văn      | Đông  | 25/02/90   |    | 3  |    |    | <b>0,8</b> | Thiếu Ban |                  |
| 75  | DTK1151020358 | Đồng Đức     | Đông  | 28/06/93   | 8  | 7  | 5  | 8  | <b>7,0</b> | Đạt       |                  |
| 76  | DTK1151030061 | Khúc Xuân    | Đông  | 11/3/1993  | 9  | 8  | 7  | 7  | <b>7,8</b> | Đạt       |                  |
| 77  | DTK1151020185 | Nguyễn Văn   | Dự    | 10/2/1990  |    | 8  |    |    | <b>2,0</b> | Thiếu Ban |                  |
| 78  | 0971020022    | Võ Trung     | Đức   | 16/04/91   | 1  | 7  | K  | K  | <b>2,0</b> | Thiếu Ban |                  |
| 79  | DTK0951020500 | Trần         | Đức   | 7/6/1991   | 8  | b  | b  | 8  | <b>4,0</b> | Thiếu Ban |                  |
| 80  | DTK1051020017 | Diệp Anh     | Đức   | 13/06/91   | 8  | 1  | b  | b  | <b>2,3</b> | Thiếu Ban |                  |
| 81  | DTK1051020347 | Nguyễn Văn   | Đức   | 19/02/92   | 9  |    | 8  | 7  | <b>6,0</b> | Thiếu Ban |                  |
| 82  | DTK1051020619 | Bùi Anh      | Đức   | 1/29/1992  | 4  |    |    |    | <b>1,0</b> | Thiếu Ban |                  |
| 83  | DTK1151020175 | Nguyễn Văn   | Đức   | 20/11/93   | 6  | 8  | 6  | 7  | <b>6,8</b> | Đạt       |                  |
| 84  | DTK1151020176 | Cao Văn      | Đức   | 4/8/1993   |    |    |    | b  | <b>0,0</b> | Thiếu Ban |                  |
| 85  | DTK1151020177 | Nguyễn Trung | Đức   | 5/2/1993   | 4  | 5  | 8  | 6  | <b>5,8</b> | Đạt       |                  |
| 86  | DTK1151020246 | Lý Trần      | Đức   | 19/12/92   | 4  | 8  | 7  | 7  | <b>6,5</b> | Đạt       |                  |
| 87  | DTK1151020302 | Nguyễn Đức   | Đức   | 26/01/93   | 8  | 8  | 7  | 7  | <b>7,5</b> | Đạt       |                  |
| 88  | DTK1151020473 | Nguyễn Danh  | Đức   | 6/11/1993  | 5  | 9  | 8  | 7  | <b>7,3</b> | Đạt       |                  |
| 89  | DTK1151030119 | Nguyễn Đình  | Đức   | 25/12/93   | 9  | 7  | 6  | 7  | <b>7,3</b> | Đạt       |                  |
| 90  | DTK1151030175 | Nguyễn Anh   | Đức   | 12/12/1993 | 8  | 7  | 7  | 8  | <b>7,5</b> | Đạt       |                  |
| 91  | DTK1151020299 | Hà Phương    | Dung  | 1/12/1993  | 8  | 7  | 8  | 7  | <b>7,5</b> | Đạt       |                  |

| STT | Mã số SV      | Họ              | Tên   | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------|-------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 92  | 0971020004    | Trương Trung    | Dũng  | 5/3/1991  | 7  | 7  | K  | 4  | 4,5        | Thiếu ban |         |
| 93  | DTK0951020297 | Đặng Anh        | Dũng  | 26/10/90  |    | 6  | 6  | 7  | 4,8        | Thiếu Ban |         |
| 94  | DTK0951020297 | Đặng Anh        | Dũng  | 26/10/90  | 4  |    |    |    | 1,0        | Thiếu Ban |         |
| 95  | DTK1051020010 | Nguyễn Tiến     | Dũng  | 18/08/92  | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 96  | DTK1051020341 | Lương Văn       | Dũng  | 1/6/1991  | 6  |    |    | 6  | 3,0        | Thiếu Ban |         |
| 97  | DTK1051020341 | Lương Văn       | Dũng  | 1/6/1991  |    | 4  | 7  |    | 2,8        | Thiếu Ban |         |
| 98  | DTK1151020009 | Đỗ Tiến         | Dũng  | 23/01/92  | 8  | 8  | 5  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 99  | DTK1151020126 | Đỗ Ngọc         | Dũng  | 5/6/1993  | 8  | 8  |    | 7  | 5,8        | Thiếu Ban |         |
| 100 | DTK1151020241 | Đặng Văn        | Dũng  | 12/6/1991 | 8  | 7  | 6  | 6  | 6,8        | Đạt       |         |
| 101 | DTK1151020298 | Hà Mai          | Dũng  | 19/07/93  | 4  | 6  | 7  | 7  | 6,0        | Đạt       |         |
| 102 | DTK1151020356 | Nguyễn Văn      | Dũng  | 10/2/1992 | 9  | 8  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 103 | DTK1151020418 | Nguyễn Đỗ       | Dũng  | 6/11/1993 | 9  | 8  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 104 | DTK1151020419 | Nguyễn Thế      | Dũng  | 9/6/1984  | 9  | 8  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 105 | DTK1151020487 | Trần Trung      | Dũng  | 4/4/1993  | 7  | 4  | 8  | 7  | 6,5        | Đạt       |         |
| 106 | DTK1151030014 | Mông Văn        | Dũng  | 3/12/1993 | 2  |    |    |    | 0,5        | Thiếu Ban |         |
| 107 | DTK1151030125 | Nguyễn Văn      | Dũng  | 22/02/93  | 9  | 7  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 108 | DTK1151020007 | Nguyễn Văn      | Được  | 26/08/93  | 6  | 8  |    | 9  | 5,8        | Thiếu Ban |         |
| 109 | DTK1151020245 | Lê Văn          | Được  | 18/05/92  | 8  | 7  | 7  |    | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 110 | DTK1151030001 | Nguyễn Văn      | Được  | 6/1/1993  | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 111 | DTK1151020124 | Đỗ Văn          | Dương | 23/11/92  | 5  |    | 7  |    | 3,0        | Thiếu Ban |         |
| 112 | DTK1151020240 | Vũ Văn          | Dương | 25/08/93  | 7  | 7  | 6  | 6  | 6,5        | Đạt       |         |
| 113 | DTK1151020296 | Hoàng Năng      | Dương | 4/3/1993  | 8  | 7  | 6  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 114 | DTK1151020301 | Vũ Đình         | Đường | 12/8/1990 | 5  |    |    |    | 1,3        | Thiếu Ban |         |
| 115 | 11110740269   | Trương Văn      | Duy   | 27/09/89  | 7  | 7  |    | 7  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 116 | DTK0951020588 | Vũ Ba           | Duy   | 13/03/91  | B  |    |    | 7  | 1,8        | Thiếu Ban |         |
| 117 | DTK1151020243 | Đinh Văn        | Duy   | 17/09/93  | 8  | 7  | 8  | 5  | 7,0        | Đạt       |         |
| 118 | DTK1151020422 | Đinh Thị        | Duyên | 10/6/1993 | 8  | 7  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 119 | 1141100015    | Tao Thị         | én    | 16/01/90  |    | 5  | 7  | 8  | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 120 | DTK1151020362 | Nguyễn Thị Vân  | Giang | 28/06/92  | 9  | 6  | 5  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 121 | DTK1151030128 | Hoàng Thị Thanh | Hà    | 17/09/93  | 8  | 7  | 6  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 122 | DTK1151030190 | Trần Việt       | Hà    | 6/4/1993  | 8  | 8  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 123 | 1112064220    | Lê Thanh        | Hải   | 15/06/87  | 9  |    | 7  | 7  | 5,8        | Thiếu Ban |         |

| STT | Mã số SV      | Họ              | Tên  | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------|------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 124 | 11110740172   | Đinh Văn        | Hải  | 20/05/87  | 9  | 6  |    | 8  | 5,8        | Thiếu Ban |         |
| 125 | DTK0851010088 | Phạm Quang      | Hải  | 9/1/1990  |    |    | 3  |    | 0,8        | Thiếu Ban |         |
| 126 | DTK0851020105 | Phạm Nguyên     | Hải  | 10/7/1990 | 6  | B  | 2  | 5  | 3,3        | Thiếu Ban |         |
| 127 | DTK1051020021 | Nguyễn Văn      | Hải  | 15/01/91  | 6  | 7  | 7  |    | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 128 | DTK1151020188 | Hoàng Văn       | Hải  | 10/2/1993 | 8  | 8  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 129 | DTK1151020365 | Nguyễn Văn      | Hải  | 16/09/93  | 8  | 6  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 130 | DTK1151020426 | Nguyễn Đức      | Hải  | 5/7/1993  | 6  | 8  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 131 | 11410740001   | Vi Thị Ngọc     | Hân  | 29/02/88  | 8  | 6  |    | 7  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 132 | DTK1151020425 | Nguyễn Thị Bích | Hằng | 25/01/93  | 8  | 6  | 7  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 133 | DTK1151060016 | Lê Thị          | Hằng | 20/02/93  | 9  | 7  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 134 | DTK1151020248 | Hoàng Đình      | Hạnh | 12/4/1993 | 8  | 7  | 7  | 5  | 6,8        | Đạt       |         |
| 135 | DTK1151030018 | Nguyễn Đình     | Hạnh | 2/9/1993  | 6  | 7  | 8  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 136 | K125520216130 | Nguyễn Thế      | Hạnh | 5/2/1993  | 6  | 7  | 5  | 6  | 6,0        | Đạt       |         |
| 137 | DTK1151030285 | Ngô Văn         | Hào  | 23/06/93  | 7  | 7  | 5  | 7  | 6,5        | Đạt       |         |
| 138 | DTK1151020366 | Trần Đăng       | Hào  | 11/4/1993 | 8  | 7  | 6  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 139 | DTK1151020190 | Phó Văn         | Hậu  | 14/06/93  | 8  | 7  | 8  | 6  | 7,3        | Đạt       |         |
| 140 | DTK1151030079 | Nguyễn Văn      | Hậu  | 24/08/93  | 7  | 8  | 5  | 8  | 7,0        | Đạt       |         |
| 141 | DTK0851020257 | Trần Đức        | Hiền | 21/11/89  | 7  | 7  | K  | 6  | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 142 | DTK1151020428 | Trần Quang      | Hiễn | 13/12/93  | 10 | 7  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 143 | DTK1151020016 | Nguyễn Ngọc     | Hiệp | 15/10/93  | 8  | 7  | 8  | 6  | 7,3        | Đạt       |         |
| 144 | DTK1151020192 | Lê Lương        | Hiệp | 17/07/93  | 8  | 6  | 8  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 145 | DTK1151030080 | Nguyễn Văn      | Hiệp | 5/8/1993  | 6  | 8  | 5  | 6  | 6,3        | Đạt       |         |
| 146 | 11110740447   | Trần Quang      | Hiếu | 24/11/89  | 7  | 6  |    | 6  | 4,8        | Thiếu Ban |         |
| 147 | DTK0851010681 | Hoàng Trọng     | Hiếu | 20/05/90  |    |    | 0  | 8  | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 148 | DTK1051020109 | Lường Hữu       | Hiếu | 10/6/1991 | 7  | 8  | 8  | 6  | 7,3        | Đạt       |         |
| 149 | DTK1051020272 | Dương Văn       | Hiếu | 26/05/92  | 8  | 7  | 7  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 150 | DTK1151020017 | Bùi Đức         | Hiếu | 26/01/93  | 6  | 6  | 7  | 6  | 6,3        | Đạt       |         |
| 151 | DTK1151020077 | Đặng Minh       | Hiếu | 6/4/1993  | 7  | 7  |    | 6  | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 152 | DTK1151020368 | Nguyễn Xuân     | Hiếu | 27/09/93  | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 153 | DTK0851020349 | Lê Nhật         | Hiếu | 6/6/1988  | 8  | 7  | 6  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 154 | 1141070016    | Ma Văn          | Hiệu | 25/02/86  |    |    | 6  | 6  | 3,0        | Thiếu Ban |         |
| 155 | 11110740374   | Nguyễn Quang    | Hiệu | 10/6/1988 |    |    |    | 7  | 1,8        | Thiếu Ban |         |

| STT | Mã số SV      | Họ              | Tên   | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------|-------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 156 | 11110740374   | Nguyễn Quang    | Hiệu  | 10/6/1988 | 4  | 1  | 7  |    | 3,0        | Thiếu Ban |         |
| 157 | DTK1151020255 | Ngô Xuân        | Hữu   | 15/01/93  | 7  | 7  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 158 | DTK1151020194 | Lưu Quỳnh       | Hoa   | 23/12/93  | 7  | 6  | 8  | 6  | 6,8        | Đạt       |         |
| 159 | DTK1151020372 | Nguyễn Thị      | Hoa   | 15/10/93  | 8  | 7  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 160 | DTK1151030195 | Nguyễn Thị      | Hoa   | 2/7/1993  | 7  | 8  | 8  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 161 | DTK1151030323 | Nguyễn Thị Hồng | Hoa   | 16/11/93  | 7  | 7  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 162 | DTK1151060019 | Ngô Thị         | Hoa   | 14/04/93  | 8  | 7  | 8  |    | 5,8        | Thiếu Ban |         |
| 163 | 11110740174   | Nguyễn Khắc     | Hòa   | 5/9/1988  | 8  | 9  |    | 7  | 6,0        | Thiếu ban |         |
| 164 | 0971020006    | Đặng Thái       | Hòa   | 14/10/91  | 1  | 7  | 5  | K  | 3,3        | Thiếu Ban |         |
| 165 | DTK1151020020 | Lê Văn          | Hòa   | 12/9/1993 | 8  | 8  | 8  | 3  | 6,8        | Đạt       |         |
| 166 | DTK1151020253 | Dương Văn       | Hòa   | 21/09/92  | 8  | 7  | 5  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 167 | DTK1151030028 | Hoàng Việt      | Hòa   | 16/04/93  | 8  | 8  | 5  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 168 | DTK1151060006 | Nguyễn Thị      | Hòa   | 5/2/1993  | 9  | 7  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 169 | DTK1151030084 | Hứa Kế          | Hoạch | 16/05/93  | 7  | 6  | 5  | 7  | 6,3        | Đạt       |         |
| 170 | DTK1151020022 | Phan Văn        | Hoan  | 27/07/93  | 9  | 7  | 8  | 5  | 7,3        | Đạt       |         |
| 171 | DTK0851020187 | Trần Ngọc       | Hoàn  | 1/4/1990  |    | 4  |    |    | 1,0        | Thiếu Ban |         |
| 172 | DTK1051020029 | Đỗ Đăng         | Hoàng | 20/06/90  | 1  |    |    |    | 0,3        | Thiếu Ban |         |
| 173 | DTK1051020112 | Vũ Văn          | Hoàng | 1/4/1992  |    | b  | b  |    | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 174 | DTK1051020276 | Nguyễn Văn      | Hoàng | 19/08/92  | 6  |    |    |    | 1,5        | Thiếu Ban |         |
| 175 | DTK1051020636 | Đỗ Minh         | Hoàng | 4/11/1987 | 9  | 6  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 176 | DTK1151020021 | Vì Việt         | Hoàng | 7/10/1993 | 8  | 7  |    | 7  | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 177 | DTK1151020081 | Nguyễn Bá       | Hoàng | 26/06/93  | 7  | 6  | 8  | 5  | 6,5        | Đạt       |         |
| 178 | DTK1151020082 | Khúc Văn        | Hoàng | 31/12/93  | 4  |    | 8  | 5  | 4,3        | Thiếu Ban |         |
| 179 | DTK1151020193 | Nguyễn Văn      | Hoàng | 13/12/93  | 8  | 7  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 180 | DTK1151020254 | Lê Văn          | Hoàng | 24/06/93  | 8  | 8  | 5  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 181 | DTK1151020430 | Nguyễn Đức      | Hoàng | 20/11/93  | 8  | 4  | 8  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 182 | DTK1151020431 | Vũ Văn          | Hoàng | 29/11/93  | 9  | 7  | 7  | 6  | 7,3        | Đạt       |         |
| 183 | DTK1151030083 | Trịnh Ngọc      | Hoàng | 10/1/1992 | 8  | 8  | 8  | 8  | 8,0        | Đạt       |         |
| 184 | DTK1151020252 | Hán Văn         | Hoàng | 8/4/1993  | 9  | 6  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 185 | 11110740405   | Bùi Văn         | Hoạt  | 19/04/89  | 6  | 8  | K  | 6  | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 186 | DTK1151020249 | Nguyễn Thị      | Hồng  | 8/2/1993  | 8  | 7  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 187 | DTK1151020369 | Nguyễn Văn      | Hợp   | 6/9/1993  | 5  | 1  | 5  | 7  | 4,5        | Đạt       |         |



| STT | Mã số SV      | Họ            | Tên   | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|---------------|-------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 188 | DTK0951020162 | Phùng Công    | Huân  | 21/06/89  | 9  | 6  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 189 | DTK1151020308 | Lê Văn        | Huân  | 4/7/1993  | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 190 | DTK1151060007 | Phạm Quang    | Huân  | 9/12/1993 | 5  | 7  | 8  | 9  | 7,3        | Đạt       |         |
| 191 | DTK1151020432 | Nguyễn Thị    | Huê   | 12/1/1993 | 8  | 8  | 5  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 192 | 11110740274   | Trịnh Minh    | Hùng  | 22/12/89  | 8  |    |    |    | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 193 | DTK0951020597 | Nguyễn Hữu    | Hùng  | 7/8/1991  | 7  | 8  | K  | K  | 3,8        | Thiếu Ban |         |
| 194 | DTK1051020352 | Tổng Thanh    | Hùng  | 23/04/92  | 4  |    | 7  |    | 2,8        | Thiếu Ban |         |
| 195 | DTK1151020015 | Phạm Mạnh     | Hùng  | 20/09/93  | 8  | 6  | 8  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 196 | DTK1151020191 | Nguyễn Việt   | Hùng  | 17/09/90  | 8  | 8  | 8  | 8  | 8,0        | Đạt       |         |
| 197 | K125520201180 | Nguyễn Tuấn   | Hùng  | 25/07/94  |    | 5  | 8  |    | 3,3        | Thiếu Ban |         |
| 198 | DTK1051020355 | Vũ Văn        | Hưng  | 30/03/92  |    |    |    | 7  | 1,8        | Thiếu Ban |         |
| 199 | DTK1151020018 | Lê Quang      | Hưng  | 9/9/1993  | 9  | 7  | 6  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 200 | DTK1151020019 | Lương Quý     | Hưng  | 18/03/93  | 9  | 6  | 6  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 201 | DTK1151020131 | Lâm Mạnh      | Hưng  | 22/11/93  | 9  | 6  | 7  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 202 | DTK1151020491 | Nguyễn Duy    | Hưng  | 18/10/93  | 8  | 8  | 6  |    | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 203 | DTK1151030027 | Đàm Văn       | Hưng  | 28/11/92  | 8  |    |    |    | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 204 | DTK1151030027 | Đàm Văn       | Hưng  | 28/11/92  | 8  | 8  | 5  | 5  | 6,5        | Đạt       |         |
| 205 | DTK1151020129 | Hoàng Thị Thu | Hương | 22/02/93  | 7  | 8  | 8  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 206 | DTK1151020187 | Thân Thị      | Hương | 10/2/1993 |    | 7  |    | 7  | 3,5        | Thiếu Ban |         |
| 207 | DTK1151030016 | Nguyễn Thị    | Hương | 28/10/93  | 9  | 4  | 8  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 208 | DTK1151030076 | Nguyễn Thị    | Hương | 22/01/93  | 4  | 8  | 8  | 5  | 6,3        | Đạt       |         |
| 209 | DTK1151030127 | Nguyễn Thị    | Hương | 12/8/1993 | 7  | 8  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 210 | DTK0851020414 | Nguyễn Văn    | Hướng | 23/08/89  |    | 4  | 6  |    | 2,5        | Thiếu Ban |         |
| 211 | DTK1151020075 | Ngô Văn       | Hướng | 15/12/91  | 10 | 7  | 6  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 212 | DTK1151020026 | Hoàng Văn     | Huy   | 13/09/92  | 9  | 7  | 8  | 5  | 7,3        | Đạt       |         |
| 213 | DTK1151020256 | Lê Văn        | Huy   | 19/08/93  |    |    | 7  |    | 1,8        | Thiếu Ban |         |
| 214 | DTK1151020373 | Nguyễn Ngọc   | Huy   | 15/10/93  | 8  | 7  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 215 | DTK1151030197 | Dương Văn     | Huy   | 4/4/1992  | 8  | 6  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 216 | DTK1151030086 | Bùi Công      | Huỳnh | 5/3/1993  | 7  | 8  | 8  | 6  | 7,3        | Đạt       |         |
| 217 | DTK1151020023 | Lê Đức        | Huỳnh | 23/02/92  | 9  | 7  | 7  | 5  | 7,0        | Đạt       |         |
| 218 | DTK1051020362 | Hà Văn        | Khang | 1/8/1992  | 7  |    | 7  | 7  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 219 | DTK1151020376 | Đỗ Mạnh       | Khang | 20/03/93  | 9  | 7  | 5  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |

| STT | Mã số SV      | Họ             | Tên   | Ngày sinh  | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|----------------|-------|------------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 220 | DTK1151020311 | Nguyễn Duy     | Khanh | 27/09/93   | 6  | 8  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 221 | DTK1151020311 | Nguyễn Duy     | Khanh | 27/09/93   | 5  |    |    |    | 1,3        | Thiếu Ban |         |
| 222 | K125520201026 | Nguyễn Huy     | Khánh | 12/3/1994  |    | 7  | 7  |    | 3,5        | Thiếu Ban |         |
| 223 | 1141070047    | Hà Đăng        | Khoa  | 4/10/1989  | 5  | 0  |    | 7  | 3,0        | Thiếu Ban |         |
| 224 | DTK1151020085 | Nguyễn Công    | Khoa  | 8/3/1993   | 4  | 6  | 6  | 7  | 5,8        | Đạt       |         |
| 225 | DTK1151020312 | Lê Văn         | Khoa  | 24/12/92   | 8  |    |    |    | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 226 | DTK1051020548 | Ngô Văn        | Khôi  | 14/10/92   | 8  | 7  | 6  |    | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 227 | DTK1151020084 | Phạm Đình      | Khôi  | 28/10/93   | 7  | 8  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 228 | DTK1151020195 | Nguyễn Chí     | Kiên  | 22/05/93   | 8  | 6  | 8  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 229 | DTK1151020258 | Nguyễn Trí     | Kiên  | 19/08/93   | 4  | 6  | 8  | 7  | 6,3        | Đạt       |         |
| 230 | DTK1151030088 | Nguyễn Hồng    | Kiên  | 12/11/1993 | 6  | 7  | 5  | 7  | 6,3        | Đạt       |         |
| 231 | DTK1151030089 | Nguyễn Đức     | Kiên  | 21/09/93   | 7  | 6  | 5  | 6  | 6,0        | Đạt       |         |
| 232 | K125520216138 | Trịnh Văn      | Kiên  | 25/03/94   | 8  | 8  | 5  | 6  | 6,8        | Đạt       |         |
| 233 | DTK1151020313 | Giang Ngọc     | Kiệt  | 8/5/1993   | 6  | 6  |    | 8  | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 234 | DTK1151030091 | Nguyễn Như     | Lai   | 11/9/1993  |    |    |    | 7  | 1,8        | Thiếu Ban |         |
| 235 | DTK0851020360 | Cao Mạnh       | Lâm   | 14/09/87   | 8  | 8  |    | 6  | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 236 | DTK1151020027 | Lương Khánh    | Lâm   | 31/05/93   | 1  | 7  | 8  | 6  | 5,5        | Đạt       |         |
| 237 | DTK1151030198 | Phạm Tùng      | Lâm   | 7/10/1993  | 4  | 8  | 6  | 8  | 6,5        | Đạt       |         |
| 238 | DTK1151030199 | Lê Đức         | Lâm   | 1/10/1993  | 9  | 8  | 7  | 9  | 8,3        | Đạt       |         |
| 239 | DTK1151030092 | Nguyễn Thị Kim | Lanh  | 4/8/1992   | 7  | 7  | 8  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 240 | DTK1151020028 | Nguyễn Thị     | Lê    | 10/11/1993 | 6  | 7  | 8  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 241 | DTK1151030140 | Nguyễn Thị     | Lê    | 20/11/93   | 7  | 7  | 5  | 7  | 6,5        | Đạt       |         |
| 242 | DTK1151020496 | Lã Thành       | Liêm  | 13/06/92   | 8  | 4  | 8  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 243 | DTK0951020239 | Phạm Duy       | Linh  | 25/07/91   | 4  | 7  | 8  | 7  | 6,5        | Đạt       |         |
| 244 | DTK1151020437 | Nguyễn Tiến    | Linh  | 23/08/93   |    | 8  | 8  | 7  | 5,8        | Thiếu Ban |         |
| 245 | DTK1151030032 | Hoàng Thị      | Linh  | 4/7/1992   | 8  | 8  | 5  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 246 | DTK1151030033 | Trần Thị Diệu  | Linh  | 6/1/1993   | 7  | 6  | 5  | 8  | 6,5        | Đạt       |         |
| 247 | DTK1151020262 | Trần Bá        | Lĩnh  | 19/05/92   | 8  | 1  | 8  | 7  | 6,0        | Đạt       |         |
| 248 | DTK1051020282 | Đỗ Tiến        | Lộc   | 1/29/1992  | 7  | 7  |    |    | 3,5        | Thiếu Ban |         |
| 249 | DTK1051020364 | Nguyễn Tiến    | Lộc   | 23/08/92   | 7  | 6  | 7  | 5  | 6,3        | Đạt       |         |
| 250 | DTK1151020314 | Vũ Văn         | Lộc   | 9/12/1993  | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 251 | DTK1151030249 | Nguyễn Duy     | Lộc   | 4/6/1993   | 7  | 6  | 5  | 6  | 6,0        | Đạt       |         |



| STT | Mã số SV      | Họ           | Tên   | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------|-------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 252 | 11110740326   | Nguyễn Lê    | Lợi   | 8/3/1989  | 8  | 7  |    | 6  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 253 | 1111060421    | Hà Duy       | Long  | 17/02/88  | 0  |    |    |    | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 254 | DTK0951060116 | Nguyễn Đức   | Long  | 5/3/1990  |    |    |    | b  | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 255 | DTK1151020030 | Hà Việt      | Long  | 9/10/1993 | 9  | 8  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 256 | DTK1151020137 | Nguyễn Văn   | Long  | 1/6/1993  | 8  | 8  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 257 | DTK1151020315 | Trần Quang   | Long  | 20/05/93  | 9  | 7  | 6  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 258 | DTK1151030201 | Nguyễn Thiện | Long  | 1/4/1993  | 4  | 8  | 6  | 7  | 6,3        | Đạt       |         |
| 259 | 1141100005    | Lò Văn       | Lử    | 02/08/89  | 8  | 8  | 8  | 8  | 8,0        | Thiếu Ban |         |
| 260 | DTK1151060021 | Vũ Thị       | Lụa   | 23/01/93  | 8  | 7  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 261 | DTK0851020267 | Trịnh Ngọc   | Luân  | 8/7/1989  | 6  | 4  | K  | K  | 2,5        | Thiếu Ban |         |
| 262 | DTK1051020461 | Vũ Hoàng     | Luân  | 20/11/91  | b  |    | 8  |    | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 263 | DTK1051020285 | Triệu Bình   | Lực   | 24/12/92  |    |    | 7  | 8  | 3,8        | Thiếu Ban |         |
| 264 | DTK1151020197 | Đỗ Tiến      | Lực   | 22/05/92  | 8  | 5  | 7  | 8  | 7,0        | Đạt       |         |
| 265 | DTK1151020435 | Đinh Hoàng   | Lương | 8/8/1991  | 8  | 5  | 7  | 6  | 6,5        | Đạt       |         |
| 266 | DTK1151030034 | Dương Thị    | Luyện | 4/5/1993  | 7  | 5  | 5  | 7  | 6,0        | Đạt       |         |
| 267 | DTK0851020195 | Lưu Văn      | Luyện | 26/10/90  | B  | B  | 5  | 5  | 2,5        | Thiếu Ban |         |
| 268 | DTK1151020088 | Nguyễn Thị   | Ly    | 5/9/1993  | 8  | 7  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 269 | DTK1151020140 | Lục Cẩm      | Ly    | 22/10/93  | 6  | 8  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 270 | DTK1151020199 | Nguyễn Công  | Lý    | 10/9/1993 | 6  | 7  | 8  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 271 | DTK1151020031 | Triệu Văn    | Mạc   | 4/10/1991 | 4  | 7  | 7  | 8  | 6,5        | Đạt       |         |
| 272 | DTK1151020089 | Lục Thị      | Mai   | 13/05/93  | 8  | 8  | 7  | 6  | 7,3        | Đạt       |         |
| 273 | K125520216046 | Nguyễn Thị   | Mai   | 15/01/94  |    |    |    | 6  | 1,5        | Thiếu Ban |         |
| 274 | DTK1151020032 | Đỗ Quang     | Mạnh  | 27/03/93  | 4  | 7  | 5  | 7  | 5,8        | Đạt       |         |
| 275 | DTK1151020264 | Chu Văn      | Mạnh  | 7/3/1993  | 8  | 6  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 276 | DTK1151030095 | Đỗ Tiến      | Mạnh  | 29/02/93  | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 277 | CPC095005     | Bormey       | Men   | 4/2/1991  | 8  | 7  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 278 | DTK1151020141 | Hoàng Viết   | Minh  | 24/09/93  | 7  | 7  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 279 | DTK1151020142 | Triệu Đức    | Minh  | 16/09/93  | 9  | 6  | 7  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 280 | DTK1151020316 | Nguyễn Ngọc  | Minh  | 16/02/93  | b  |    | 7  |    | 1,8        | Thiếu Ban |         |
| 281 | DTK1151060010 | Lục Thị      | Mơ    | 6/3/1993  | 8  | 8  | 7  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 282 | DTK1151030142 | Trần Văn     | Mười  | 20/10/93  | 9  | 7  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 283 | 1111061114    | Hoàng Văn    | Nam   | 24/04/88  | 6  |    | 8  |    | 3,5        | Thiếu Ban |         |

| STT | Mã số SV      | Họ           | Tên    | Ngày sinh  | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------|--------|------------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 284 | 1112064236    | Lê Văn       | Nam    | 14/10/84   | 9  |    |    |    | 2,3        | Thiếu Ban |         |
| 285 | 11110740184   | Dương Văn    | Nam    | 12/5/1988  | 7  | 6  |    | 6  | 4,8        | Thiếu Ban |         |
| 286 | DTK0851020509 | Đặng Quang   | Nam    | 24/04/87   | 6  | K  | 8  | 7  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 287 | DTK0951020040 | Nguyễn Văn   | Nam    | 5/4/1991   | 9  |    |    |    | 2,3        | Thiếu Ban |         |
| 288 | DTK1051020558 | Trần Thanh   | Nam    | 12/4/1992  |    |    | b  |    | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 289 | DTK1051020650 | Nguyễn Hải   | Nam    | 12/2/1992  | b  | 6  | 8  | 7  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 290 | DTK1151020090 | Nguyễn Hoàng | Nam    | 11/5/1993  | 7  | 8  | 5  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 291 | DTK1151020382 | Nguyễn Ngọc  | Nam    | 8/3/1993   | 8  | 7  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 292 | DTK1151020383 | Nguyễn Văn   | Nam    | 9/3/1993   | 9  | 6  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 293 | DTK1151030203 | Nguyễn Văn   | Nam    | 16/09/93   | 8  | 5  | 8  | 6  | 6,8        | Đạt       |         |
| 294 | DTK1051020288 | Nguyễn Văn   | Năng   | 26/11/91   |    | 1  | 8  | 7  | 4,0        | Thiếu Ban |         |
| 295 | DTK1051020465 | Trần Thị     | Ngân   | 25/11/92   | 7  | 8  | 8  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 296 | DTK1051020291 | Cao Xuân     | Nghĩa  | 10/6/1992  |    |    | 8  |    | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 297 | DTK1151020144 | Trần Đại     | Nghĩa  | 22/10/93   | 7  | 6  | 8  | 5  | 6,5        | Đạt       |         |
| 298 | DTK1151030205 | Hoàng Trung  | Nghĩa  | 4/12/1993  | 8  | 6  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 299 | DTK1151020317 | Đặng Đức     | Nghiêm | 18/03/93   | 10 | 9  | 7  | 7  | 8,3        | Đạt       |         |
| 300 | DTK1051020466 | Cao Duy      | Nghiệp | 13/02/91   | 7  |    | 6  | 8  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 301 | 11110740186   | Trịnh Đức    | Ngọc   | 25/05/89   | 8  | 7  | 7  |    | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 302 | DTK0951020755 | Đặng Tiến    | Ngọc   | 12/12/1991 | 9  | 8  | 7  | 8  | 8,0        | Đạt       |         |
| 303 | DTK1151020034 | Triệu Đức    | Ngọc   | 26/07/93   | 9  | 8  | 8  | 6  | 7,8        | Đạt       |         |
| 304 | DTK1151020036 | Nguyễn Văn   | Ngọc   | 8/2/1992   | 8  | 1  | 6  | 7  | 5,5        | Đạt       |         |
| 305 | DTK1151020093 | Phạm Thái    | Ngọc   | 5/7/1993   | 8  | 6  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 306 | DTK1151020384 | Bùi Văn      | Ngọc   | 15/03/93   | 8  | 7  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 307 | DTK1151030325 | Doãn Văn     | Ngọc   | 16/10/93   | 8  | 7  | 6  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 308 | DTK0951030192 | Vũ Anh       | Nguyễn | 19/08/91   | 8  | 8  | 6  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 309 | DTK1151060011 | Nông Thị ánh | Nguyệt | 14/04/93   | 8  | 8  | 9  | 8  | 8,3        | Đạt       |         |
| 310 | DTK1151060022 | Nguyễn Thị   | Nguyệt | 10/9/1993  | 9  | 8  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 311 | DTK0951020109 | Nguyễn Văn   | Nhã    | 16/02/90   | 9  | 8  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 312 | DTK1151020037 | Mai Đức      | Nhâm   | 11/5/1992  | 7  | 8  | 7  |    | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 313 | DTK1051020374 | Lại Đức      | Nhân   | 8/10/1992  | 8  | 8  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 314 | DTK1151020320 | Nguyễn Thị   | Nhạn   | 3/3/1993   | 8  | 6  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 315 | DTK1151030147 | Nguyễn Thế   | Nhất   | 4/1/1993   | 9  | 7  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |

| STT | Mã số SV      | Họ              | Tên    | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------|--------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 316 | DTK1151030298 | Vũ Thị          | Nhi    | 5/11/1993 | 7  | 5  | 6  | 7  | 6,3        | Đạt       |         |
| 317 | 1141100018    | Vì Thị          | Nhuận  | 5/3/1991  | 9  | 5  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 318 | DTK1051020469 | Đỗ Thị Hồng     | Nhung  | 25/11/92  | 9  | 9  | 8  | 7  | 8,3        | Đạt       |         |
| 319 | DTK1151020321 | Đinh Thị        | Nhung  | 26/08/93  | 8  | 8  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 320 | DTK1151020386 | Hoàng Thị       | Oanh   | 15/06/93  | 8  | 6  | 5  | 7  | 6,5        | Đạt       |         |
| 321 | DTK1151030251 | Lương Thị       | Oanh   | 9/10/1993 | 8  | 8  | 7  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 322 | DTK1151020268 | Nguyễn Kim      | Phan   | 20/09/93  | 8  | 7  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 323 | DTK1151030254 | Nguyễn Thị      | Phan   | 5/4/1993  | 7  | 8  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 324 | DTK0851060022 | Phạm Văn        | Pháp   | 29/10/89  |    |    | 6  |    | 1,5        | Thiếu Ban |         |
| 325 | DTK1151020387 | Dương Văn       | Pháp   | 15/06/93  | 9  | 8  | 6  |    | 5,8        | Thiếu Ban |         |
| 326 | DTK1151020323 | Đoàn Ngọc       | Phi    | 16/10/92  | 8  | 1  | 7  | 7  | 5,8        | Đạt       |         |
| 327 | DTK1151030255 | Đoàn Thị        | Phổ    | 16/01/93  | 8  | 4  | 6  | 8  | 6,5        | Đạt       |         |
| 328 | DTK1051020212 | Nguyễn Đăng     | Phong  | 29/06/92  | b  | b  | b  | b  | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 329 | DTK0951020686 | Trần Văn        | Phú    | 22/01/90  | 6  | 5  | 5  | K  | 4,0        | Thiếu Ban |         |
| 330 | DTK1151020098 | Nguyễn Đình     | Phúc   | 9/5/1993  | 9  | 7  | 6  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 331 | DTK1151020204 | Vũ Quang        | Phúc   | 21/01/93  | 1  | 8  | 8  | 6  | 5,8        | Đạt       |         |
| 332 | DTK1151030098 | Sái Văn         | Phúc   | 29/03/93  | 8  | 6  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 333 | DTK1151030206 | Nguyễn Văn      | Phúc   | 29/07/93  | 8  | 6  | 6  | 8  | 7,0        | Đạt       |         |
| 334 | DTK1151020388 | Vũ Việt         | Phùng  | 20/10/92  | 8  | 5  | 8  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 335 | DTK0951030357 | Đàm Quốc        | Phương | 20/02/90  | 0  | 0  |    |    | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 336 | DTK1151030039 | Hoàng Minh      | Phương | 5/4/1993  | 7  | 8  | 7  |    | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 337 | DTK1151020145 | Nguyễn Thị Bích | Phượng | 9/12/1993 | 8  | 7  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 338 | DTK0851020275 | Vũ Hồng         | Quân   | 27/11/88  | 5  | 3  | K  | K  | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 339 | DTK0851020516 | Đỗ Hồng         | Quân   | 22/04/90  | B  | 6  | 6  | 4  | 4,0        | Thiếu Ban |         |
| 340 | DTK0951020615 | Nguyễn Việt     | Quân   | 16/05/91  | 4  | 8  | K  | 6  | 4,5        | Thiếu ban |         |
| 341 | DTK1151020389 | Nguyễn Văn      | Quân   | 12/7/1993 | 8  | 8  | 5  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 342 | DTK1151030148 | Nguyễn Văn      | Quân   | 30/01/93  | 7  | 4  | 7  | 6  | 6,0        | Đạt       |         |
| 343 | DTK1151030208 | Đỗ Việt         | Quân   | 24/07/92  | 10 | 7  | 7  | 5  | 7,3        | Đạt       |         |
| 344 | DTK0851020131 | Hoàng Minh      | Quang  | 16/11/90  | 5  |    |    |    | 1,3        | Thiếu Ban |         |
| 345 | DTK1051020296 | Trần Duy        | Quang  | 22/01/92  | 5  | 7  | 6  | 7  | 6,3        | Đạt       |         |
| 346 | DTK1151020442 | Ninh Văn        | Quang  | 27/01/93  | 8  | 6  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 347 | 01110501194   | Nguyễn Xuân     | Quý    | 21/06/87  |    | 8  |    |    | 2,0        | Thiếu Ban |         |

| STT | Mã số SV      | Họ          | Tên   | Ngày sinh  | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|-------------|-------|------------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 348 | DTK1151020147 | Bùi Xuân    | Quý   | 20/09/92   | 8  | 6  |    | 7  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 349 | DTK1151020205 | Nguyễn Xuân | Quý   | 10/10/1993 | 9  | 8  | 6  | 6  | 7,3        | Đạt       |         |
| 350 | DTK1151020270 | Nguyễn Văn  | Quý   | 9/11/1993  |    | 7  | 7  |    | 3,5        | Thiếu Ban |         |
| 351 | DTK1151020443 | Cao Văn     | Quý   | 25/06/93   | 6  | 7  | 8  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 352 | DTK1151030043 | Nguyễn Văn  | Quý   | 23/08/92   | 6  | 8  | 6  | 8  | 7,0        | Đạt       |         |
| 353 | DTK1151030149 | Lý Đình     | Quý   | 29/09/93   | 8  | 7  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 354 | DTK1051020298 | Ngô Văn     | Quyền | 17/02/92   |    | 5  | 7  | 6  | 4,5        | Thiếu Ban |         |
| 355 | DTK0951020048 | Đoàn Mạnh   | Quyết | 20/02/91   | 6  | 8  |    | 4  | 4,5        | Thiếu ban |         |
| 356 | DTK1151020100 | Lưu Văn     | Quyết | 5/7/1993   | 6  | 8  | 9  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 357 | DTK1151020327 | Nguyễn Văn  | Quyết | 26/03/92   | 8  | 7  | 6  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 358 | 11110740432   | Dương Văn   | Quỳnh | 26/10/86   | 9  |    | 4  |    | 3,3        | Thiếu Ban |         |
| 359 | K125520201041 | Nguyễn Mạnh | Quỳnh | 27/08/94   | 8  | 8  | 7  | 6  | 7,3        | Đạt       |         |
| 360 | DTK1151030210 | Nguyễn Văn  | Sáng  | 1/10/1993  | 8  | 7  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 361 | 11110740241   | Hoàng Quang | Sinh  | 19/10/89   | 8  | 4  |    | 7  | 4,8        | Thiếu Ban |         |
| 362 | DTK0951020620 | Nguyễn Đình | Sơn   | 25/10/91   | 9  | 6  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 363 | DTK0951020764 | Nguyễn Minh | Sơn   | 13/10/91   | 1  | 5  | 5  | 4  | 3,8        | Không đạt |         |
| 364 | DTK1151020150 | Đinh Thái   | Sơn   | 6/5/1993   | 6  | 5  | 8  | 7  | 6,5        | Đạt       |         |
| 365 | DTK1151020328 | Lương Văn   | Sơn   | 29/10/91   | 8  | 8  | 6  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 366 | DTK1151020445 | Chu Bá      | Sơn   | 23/03/93   | 8  | 7  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 367 | DTK1151020446 | Mai Thanh   | Sơn   | 15/08/93   | 8  | 8  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 368 | DTK1151030299 | Nguyễn Ngọc | Sơn   | 17/07/93   | 8  | 5  | 7  | 8  | 7,0        | Đạt       |         |
| 369 | DTK1151020329 | Lê Đức      | Sử    | 15/03/93   | 8  | 7  | 5  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 370 | CPC095012     | Puthea      | Sun   | 15/08/91   | 9  | 5  | 7  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 371 | DTK1151030103 | Nguyễn Văn  | Suốt  | 8/3/1993   | 5  | 6  | 6  | 7  | 6,0        | Đạt       |         |
| 372 | DTK1151020272 | Lê Văn      | Sỹ    | 17/12/92   | 7  | 8  | 6  | 6  | 6,8        | Đạt       |         |
| 373 | DTK1151020331 | Lê Văn      | Tài   | 6/7/1992   | 8  | 8  | 8  | 8  | 8,0        | Đạt       |         |
| 374 | DTK1051020572 | Nguyễn Văn  | Tâm   | 4/10/1991  | 6  | 4  | 7  | 6  | 5,8        | Đạt       |         |
| 375 | DTK1151020274 | Đàm Nhật    | Tân   | 20/09/93   |    | b  |    |    | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 376 | DTK0851020134 | Hà Trọng    | Tấn   | 28/03/89   | 4  | 6  | B  | 7  | 4,3        | Thiếu Ban |         |
| 377 | DTK1051020221 | Lý Văn      | Tấn   | 28/09/91   | 7  | 6  | 7  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 378 | DTK1051020480 | Trần Văn    | Tấn   | 22/05/90   |    |    | 8  | B  | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 379 | DTK1051020666 | Trần Văn    | Tạo   | 26/08/92   |    | 6  | 7  | 8  | 5,3        | Thiếu Ban |         |

| STT | Mã số SV      | Họ           | Tên   | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------|-------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 380 | DTK0951020401 | Nguyễn Ngọc  | Thái  | 28/05/91  | 10 | 5  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 381 | DTK1051020481 | Nguyễn Văn   | Thái  | 15/09/92  | 1  | 6  | 7  | 5  | 4,8        | Đạt       |         |
| 382 | DTK1151020152 | Dương Anh    | Thái  | 29/08/93  | 7  | 7  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 383 | DTK1151020153 | Tạ Quang     | Thái  | 15/09/93  | 8  | 7  | 8  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 384 | DTK1151020154 | Nguyễn Thành | Thái  | 21/02/92  | 9  | 8  | 8  | 9  | 8,5        | Đạt       |         |
| 385 | DTK1151030260 | Vũ Văn       | Thái  | 28/04/93  | 8  | 6  | 6  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 386 | DTK1051020667 | Đặng Văn     | Thăng | 10/1/1992 | 8  | 8  | 6  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 387 | DTK1151020207 | Hoàng Văn    | Thăng | 1/10/1993 | 8  | 6  | 8  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 388 | 11110740334   | Nguyễn Ngọc  | Thăng | 6/4/1989  | 8  | 1  |    | 6  | 3,8        | Thiếu Ban |         |
| 389 | DTK0951060202 | Đỗ Mạnh      | Thăng | 19/03/91  |    | 8  |    | 9  | 4,3        | Thiếu Ban |         |
| 390 | DTK1151020484 | Hoàng Đình   | Thăng | 25/08/92  | 5  | 6  | 7  | 5  | 5,8        | Đạt       |         |
| 391 | DTK1151030213 | Lương Văn    | Thăng | 2/8/1993  | 7  | 8  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 392 | DTK1151060014 | Hoàng Văn    | Thăng | 19/04/94  | 8  | 8  | 8  | 9  | 8,3        | Đạt       |         |
| 393 | DTK1151020452 | Mai Văn      | Thanh | 16/04/92  | 8  | 6  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 394 | DTK1151030214 | Lý Thị       | Thanh | 1/7/1993  | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 395 | DTK1051020388 | Nguyễn Đình  | Thành | 10/1/1991 | 8  | 6  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 396 | DTK1151020155 | Nguyễn Tiến  | Thành | 8/10/1993 | 7  | 6  | 6  | 8  | 6,8        | Đạt       |         |
| 397 | DTK1151020210 | Trần Trung   | Thành | 17/02/93  | 4  | 6  | 6  | 7  | 5,8        | Đạt       |         |
| 398 | DTK1151020334 | Hoàng Thị    | Thao  | 23/01/92  | 8  | 7  | 8  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 399 | DTK1151020211 | Đỗ Thu       | Thảo  | 22/07/93  | 10 | 9  | 8  | 8  | 8,8        | Đạt       |         |
| 400 | DTK1151020041 | Nguyễn Sỹ    | Thạo  | 20/11/92  | 1  | 7  | 8  | 5  | 5,3        | Đạt       |         |
| 401 | DTK1151020280 | Hoàng Công   | Thế   | 13/12/92  | 1  | 6  | 8  | 7  | 5,5        | Đạt       |         |
| 402 | 11110740360   | Nguyễn Văn   | Thiện | 1/8/1988  | 9  | 6  |    | 7  | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 403 | DTK0851040115 | Phan Văn     | Thiện | 26/12/88  |    |    |    |    | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 404 | DTK1151020279 | Bùi Duy      | Thiện | 21/07/93  | 7  | 7  | 8  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 405 | DTK1151020335 | Nguyễn Thế   | Thiện | 21/11/93  | 9  | 7  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 406 | 11110740040   | Nguyễn Ngọc  | Thiệp | 22/08/88  | 8  | 7  |    | 6  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 407 | DTK0951020341 | Nguyễn Văn   | Thiệt | 7/2/1991  | 7  | 6  | 8  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 408 | DTK1151020213 | Hoàng Văn    | Thiệt | 20/05/93  | 7  | 1  | 5  | 6  | 4,8        | Đạt       |         |
| 409 | 1111061218    | Nguyễn Mạnh  | Thìn  | 14/07/88  | 8  | K  | 7  | 7  | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 410 | DTK1051020579 | Vũ Văn       | Thịnh | 20/07/90  | b  | b  |    |    | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 411 | DTK1051030432 | Nguyễn Bá    | Thịnh | 18/05/92  | 8  | 5  | 6  | 6  | 6,3        | Đạt       |         |

| STT | Mã số SV      | Họ           | Tên   | Ngày sinh  | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------|-------|------------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 412 | DTK1151010154 | Nguyễn Văn   | Thịnh | 18/09/93   |    |    |    | 7  | <b>1,8</b> | Thiếu Ban |         |
| 413 | DTK1151020103 | Nguyễn Đăng  | Thịnh | 22/06/93   | 9  | 8  | 8  | 7  | <b>8,0</b> | Đạt       |         |
| 414 | DTK0851020138 | Bùi Đức      | Thọ   | 21/10/90   |    |    | 7  |    | <b>1,8</b> | Thiếu Ban |         |
| 415 | DTK1051020484 | Nguyễn Đình  | Thọ   | 18/04/91   | b  | 1  | b  | b  | <b>0,3</b> | Thiếu Ban |         |
| 416 | DTK1151030329 | Trịnh Đức    | Thọ   | 3/7/1993   | 7  | 8  | 7  | 7  | <b>7,3</b> | Đạt       |         |
| 417 | DTK1151020281 | Nguyễn Thị   | Thoa  | 25/05/93   | 9  | 8  | 7  | 7  | <b>7,8</b> | Đạt       |         |
| 418 | DTK1151020332 | Nguyễn Thị   | Thơm  | 8/7/1993   | 6  | 7  | 8  | 7  | <b>7,0</b> | Đạt       |         |
| 419 | DTK1151060013 | Bùi Thị      | Thơm  | 11/7/1993  | 8  | 7  | 8  | 8  | <b>7,8</b> | Đạt       |         |
| 420 | K125520201305 | Dương Thị    | Thu   | 10/11/1994 | 8  | 7  | 8  | 9  | <b>8,0</b> | Đạt       |         |
| 421 | DTK1151020449 | Phạm Văn     | Thư   | 25/10/93   | 6  | 7  | 7  | 7  | <b>6,8</b> | Đạt       |         |
| 422 | DTK1151030211 | Ngô Thị      | Thư   | 20/02/93   | 8  | 8  | 6  | 7  | <b>7,3</b> | Đạt       |         |
| 423 | DTK1151030321 | Vì Văn       | Thụ   | 25/06/93   | 7  | 8  | 7  | 6  | <b>7,0</b> | Đạt       |         |
| 424 | DTK0851010353 | Vũ Xuân      | Thuận | 7/4/1990   |    |    |    | 7  | <b>1,8</b> | Thiếu Ban |         |
| 425 | DTK0951020195 | Lê Minh      | Thuận | 18/12/91   |    |    | 6  |    | <b>1,5</b> | Thiếu Ban |         |
| 426 | DTK1151020282 | Nguyễn Đức   | Thuận | 23/07/93   | 8  | 8  | 7  | 8  | <b>7,8</b> | Đạt       |         |
| 427 | DTK1151020337 | Nguyễn Đức   | Thuận | 26/06/93   | 6  | 7  | 8  | 7  | <b>7,0</b> | Đạt       |         |
| 428 | DTK1151020455 | Nguyễn Văn   | Thuận | 24/09/93   | 4  | 7  | 6  | 7  | <b>6,0</b> | Đạt       |         |
| 429 | DTK0951020557 | Lê Đình      | Thuật | 25/11/91   | 4  | 8  | 8  | 7  | <b>6,8</b> | Đạt       |         |
| 430 | 1141070050    | Lang Văn     | Thức  | 1/9/1986   | B  | 6  | B  | B  | <b>1,5</b> | Thiếu Ban |         |
| 431 | DTK1151020158 | Trình Công   | Thức  | 26/11/93   | 6  | 6  | 6  | 7  | <b>6,3</b> | Đạt       |         |
| 432 | DTK1151020397 | Phạm Trọng   | Thức  | 24/01/92   | 8  | 6  | 5  | 7  | <b>6,5</b> | Đạt       |         |
| 433 | DTK1151020214 | Bùi Văn      | Thực  | 6/5/1992   | 4  | 4  | 7  | 8  | <b>5,8</b> | Đạt       |         |
| 434 | DTK1151020398 | Vũ Phương    | Thúy  | 5/9/1993   | 9  | 9  | 9  | 9  | <b>9,0</b> | Đạt       |         |
| 435 | DTK1151030264 | Nguyễn Thị   | Thúy  | 20/10/93   | 8  | 6  | 7  | 8  | <b>7,3</b> | Đạt       |         |
| 436 | DTK1151020102 | Lương Quang  | Thùy  | 13/04/93   | 8  | 8  | 8  | 7  | <b>7,8</b> | Đạt       |         |
| 437 | 11110740202   | Nguyễn Thu   | Thủy  | 10/10/1989 | 8  | 8  |    | 7  | <b>5,8</b> | Thiếu Ban |         |
| 438 | DTK1051020487 | Phạm Thị     | Thủy  | 16/02/92   | 6  | 8  | 7  | 8  | <b>7,3</b> | Đạt       |         |
| 439 | DTK1151020283 | Nguyễn Thị   | Thủy  | 6/6/1993   | 8  | 7  | 7  | 7  | <b>7,3</b> | Đạt       |         |
| 440 | DTK1151020399 | Thị Thị      | Thủy  | 12/2/1993  | 7  | 8  | 7  | 8  | <b>7,5</b> | Đạt       |         |
| 441 | DTK1151030051 | Nguyễn Trọng | Thủy  | 4/2/1992   | 8  | 8  | 6  | 7  | <b>7,3</b> | Đạt       |         |
| 442 | 11110740145   | Nguyễn Văn   | Tiến  | 27/02/88   | 9  | 2  | K  | 7  | <b>4,5</b> | Thiếu ban |         |
| 443 | DTK1051020235 | Triệu Đức    | Tiến  | 1/14/1992  | 6  |    |    |    | <b>1,5</b> | Thiếu ban |         |



| STT | Mã số SV      | Họ             | Tên    | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|----------------|--------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 444 | DTK1051020584 | Lưu Mạnh       | Tiến   | 29/01/92  | 8  | 7  |    |    | 3,8        | Thiếu Ban |         |
| 445 | DTK1051030060 | Lưu Văn        | Tiến   | 17/08/91  | 7  | 4  | 7  | 6  | 6,0        | Đạt       |         |
| 446 | DTK1151020048 | Trương Văn     | Tiến   | 15/09/93  | 10 | 8  | 8  | 9  | 8,8        | Đạt       |         |
| 447 | DTK1151020109 | Vũ Quyết       | Tiến   | 18/05/93  | 1  | 7  | 8  | 7  | 5,8        | Đạt       |         |
| 448 | DTK1151020218 | Nguyễn Đức     | Tiến   | 3/5/1993  | 9  | 8  | 6  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 449 | DTK1151020339 | Dương Lê       | Tiến   | 22/12/92  | 9  | 1  | 8  | 8  | 6,5        | Đạt       |         |
| 450 | DTK1151020458 | Lê Xuân        | Tiến   | 25/01/92  | 8  | 6  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 451 | DTK1151020226 | Ngô Văn        | Tính   | 30/04/92  | 4  | 7  | 7  | 6  | 6,0        | Đạt       |         |
| 452 | DTK1151020038 | Đinh Văn       | Tình   | 10/5/1993 | 5  | 7  | 8  | 8  | 7,0        | Đạt       |         |
| 453 | DTK1151020151 | Lê Văn         | Tình   | 6/2/1993  | 4  | 8  | 8  | 6  | 6,5        | Đạt       |         |
| 454 | DTK1151020110 | Nguyễn Văn     | Toán   | 19/08/90  | 4  | 7  |    | 8  | 4,8        | Thiếu Ban |         |
| 455 | 1141070043    | Lương Mạnh     | Toàn   | 28/09/88  | B  | 1  | B  | B  | 0,3        | Thiếu Ban |         |
| 456 | DTK1051020680 | Lê Thanh       | Toàn   | 20/12/91  |    |    | 5  | 7  | 3,0        | Thiếu Ban |         |
| 457 | DTK1151020111 | Nguyễn Văn     | Toàn   | 18/09/92  | 4  | 5  | 8  | 7  | 6,0        | Đạt       |         |
| 458 | DTK1051060087 | Vũ Bá          | Toàn   | 19/06/92  | 8  | 6  | 7  | 6  | 6,8        | Đạt       |         |
| 459 | DTK1151020341 | Nguyễn Văn     | Trai   | 21/02/93  | 6  | 7  | 8  | 5  | 6,5        | Đạt       |         |
| 460 | DTK1151020113 | Nguyễn Thị Thu | Trang  | 5/9/1993  | 7  | 8  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 461 | DTK1151020220 | Ngô Thiên      | Trang  | 9/3/1993  | 7  | 8  | 7  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 462 | DTK1151030268 | Nguyễn Thị     | Trang  | 25/07/93  | 9  | 7  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 463 | K125520201221 | Vũ Minh        | Trang  | 7/5/1994  | 8  | 7  | 8  | 9  | 8,0        | Đạt       |         |
| 464 | DTK0951020415 | Nguyễn Văn     | Tráng  | 19/09/90  | 4  | 1  | 6  | 4  | 3,8        | Không đạt |         |
| 465 | DTK1151020285 | Nguyễn Đức     | Triều  | 5/7/1993  | 6  | 8  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 466 | DTK1151020221 | Nguyễn Hữu     | Trọng  | 9/1/1993  | 7  | 7  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 467 | 11110710521   | Tổng Văn       | Trung  | 13/12/89  |    | 0  |    |    | 0,0        | Thiếu Ban |         |
| 468 | DTK0951020199 | Đoàn Ngọc      | Trung  | 24/11/91  | 7  | 6  | B  | B  | 3,3        | Thiếu Ban |         |
| 469 | DTK1151020050 | Nguyễn Chí     | Trung  | 22/10/93  | 7  | 7  | 7  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 470 | DTK1151020164 | Nguyễn Ngọc    | Trung  | 13/03/93  | 4  | 6  | 6  | 8  | 6,0        | Đạt       |         |
| 471 | DTK1151020286 | Nguyễn Thành   | Trung  | 20/01/93  |    | 7  |    | 5  | 3,0        | Thiếu Ban |         |
| 472 | DTK1151020342 | Nguyễn Đình    | Trung  | 5/10/1993 | 8  | 7  |    | 6  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 473 | DTK1151030220 | Trịnh Xuân     | Trung  | 16/08/93  | 7  | 8  | 7  | 6  | 7,0        | Đạt       |         |
| 474 | DTK0951030068 | Lưu Xuân       | Trường | 14/11/91  | 9  | 6  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 475 | DTK1051020239 | Trần Văn       | Trường | 9/2/1992  | 8  |    | 8  | 6  | 5,5        | Thiếu Ban |         |

| STT | Mã số SV      | Họ           | Tên    | Ngày sinh  | ĐL     | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------|--------|------------|--------|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 476 | DTK1151020114 | Nguyễn Minh  | Trường | 19/04/93   | 9      | 8  | 8  | 6  | 7,8        | Đạt       |         |
| 477 | DTK1151030054 | Đỗ Quang     | Trường | 30/06/93   | 7      | 7  | 7  | 6  | 6,8        | Đạt       |         |
| 478 | DTK1151020163 | Vũ Thị       | Tú     | 24/12/93   | 9      | 8  | 7  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 479 | DTK1151020219 | Lê Quang     | Tú     | 23/01/93   | 7      | 7  | 8  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 480 | DTK1151020448 | Nguyễn Việt  | Tư     | 17/07/91   | 8      | 8  | 7  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 481 | DTK1151020460 | Nguyễn Thị   | Tứ     | 12/6/1993  | b      | b  | 6  | 7  | 3,3        | Thiếu Ban |         |
| 482 | 1111061228    | Ngô Minh     | Tuân   | 20/04/87   |        | 7  | 7  | 7  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 483 | 11110740102   | Hoàng Anh    | Tuấn   | 10/12/1989 | 8      | 8  | 7  | K  | 5,8        | Thiếu Ban |         |
| 484 | 11110740417   | Nguyễn Thanh | Tuấn   | 15/06/89   | 9      | 9  |    | 7  | 6,3        | Thiếu Ban |         |
| 485 | DTK0851020387 | Trịnh Anh    | Tuấn   | 2/3/1990   | 6      | 1  | 4  | 4  | 3,8        | Không đạt |         |
| 486 | DTK0951020278 | Nguyễn Văn   | Tuấn   | 1/9/1991   | 8      |    | 8  | 6  | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 487 | DTK1051020161 | Nguyễn Anh   | Tuấn   | 1/11/1992  | 5      | 7  | 8  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 488 | DTK1051020325 | Cao Văn      | Tuấn   | 24/10/92   | 6      | 8  | b  | b  | 3,5        | Thiếu Ban |         |
| 489 | DTK1051030065 | Nguyễn Ngọc  | Tuấn   | 26/12/92   | B      | B  | B  | 7  | 1,8        | Thiếu Ban |         |
| 490 | DTK1151020051 | Tạ Anh       | Tuấn   | 3/1/1993   | 8      | 7  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 491 | DTK1151020052 | Phạm Minh    | Tuấn   | 10/9/1993  | 8      | 8  |    |    | 4,0        | Thiếu Ban |         |
| 492 | DTK1151020054 | Tạ Đình      | Tuấn   | 12/8/1993  | 8      | 7  | 8  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 493 | DTK1151020167 | Nguyễn Anh   | Tuấn   | 21/02/93   | 8      | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 494 | DTK1151020287 | Nguyễn Văn   | Tuấn   | 4/7/1991   | 8      | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 495 | DTK1151020405 | Vũ Văn       | Tuấn   | 13/08/93   | 9      |    | 8  | 7  | 6,0        | Thiếu Ban |         |
| 496 | DTK1151030167 | Dương Văn    | Tuấn   | 8/1/1993   | 7      | 4  | b  |    | 2,8        | Thiếu Ban |         |
| 497 | 11110740144   | Phùng Thanh  | Tùng   | 20/09/88   |        | 4  |    | 5  | 2,3        | Thiếu Ban |         |
| 498 | DTK0851020223 | Vũ Hoàng     | Tùng   | 11/5/1990  | 6      | 7  | 5  | K  | 4,5        | Thiếu ban |         |
| 499 | DTK0951020212 | Nguyễn Thanh | Tùng   | 19/01/91   | 6      |    | 8  | 6  | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 500 | DTK0951020283 | Nhữ Sơn      | Tùng   | 2/8/1987   | 6      | 6  | 8  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 501 | DTK0951020494 | Bùi Thanh    | Tùng   | 16/10/91   | B      | 6  | 7  | 8  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 502 | DTK0951020497 | Nông Thanh   | Tùng   | 9/1/1991   | bỏ thi | 6  | 5  | 7  | 4,5        | Thiếu ban |         |
| 503 | DTK0951020784 | Đoàn Duy     | Tùng   | 29/03/90   |        |    | 7  |    | 1,8        | Thiếu Ban |         |
| 504 | DTK1051020396 | Dương Thanh  | Tùng   | 10/17/1992 | 5      | 7  | 8  |    | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 505 | DTK1151020046 | Đinh Thanh   | Tùng   | 29/08/93   | 9      | 8  | 6  | 8  | 7,8        | Đạt       |         |
| 506 | DTK1151020216 | Lăng Văn     | Tùng   | 19/02/93   | 6      | 8  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 507 | DTK1151020401 | Nguyễn Thanh | Tùng   | 9/9/1993   | 8      | 1  | 7  | 7  | 5,8        | Đạt       |         |

| STT | Mã số SV      | Họ           | Tên   | Ngày sinh  | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------|-------|------------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 508 | DTK1151020402 | Nguyễn Quý   | Tùng  | 2/10/1993  | 8  | 8  | 5  | 8  | 7,3        | Đạt       |         |
| 509 | DTK1151020456 | Nguyễn Quốc  | Tùng  | 12/4/1993  | 7  | 5  | 5  | 7  | 6,0        | Đạt       |         |
| 510 | DTK1151030217 | Đặng Văn     | Tùng  | 30/03/93   |    | 7  | 7  | 6  | 5,0        | Thiếu Ban |         |
| 511 | DTK1151030306 | Trần Văn     | Tùng  | 3/11/1993  | 7  | 8  | 5  | 6  | 6,5        | Thiếu Ban |         |
| 512 | DTK0951020785 | Nguyễn Văn   | Tước  | 10/6/1990  | B  | 6  | B  | B  | 1,5        | Thiếu Ban |         |
| 513 | DTK1151020495 | Phạm Đắc     | Tường | 19/07/93   |    | 7  | 7  | 7  | 5,3        | Thiếu Ban |         |
| 514 | DTK1151060012 | Nguyễn Viết  | Tường | 1/3/1993   |    |    | 8  | 7  | 3,8        | Thiếu Ban |         |
| 515 | DTK0951020786 | Vũ Viết      | Tuyên | 26/07/89   | 9  | 1  |    | 7  | 4,3        | Thiếu Ban |         |
| 516 | DTK0951020787 | Nguyễn Văn   | Tuyên | 25/03/87   | 7  | 7  | 5  |    | 4,8        | Thiếu Ban |         |
| 517 | DTK1151020470 | Vũ Đình      | Tuyên | 28/11/92   | 10 | b  | 7  | 8  | 6,3        | Thiếu Ban |         |
| 518 | DTK1151030113 | Thân Văn     | Tuyên | 24/06/92   | 8  | 7  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 519 | DTK1151020406 | Hoàng Văn    | Tuyền | 13/06/93   | 8  | 8  | 8  | 7  | 7,8        | Đạt       |         |
| 520 | DTK1151020170 | Hoàng Văn    | Tuyền | 31/10/92   | 6  | 6  | 8  | 7  | 6,8        | Đạt       |         |
| 521 | DTK1151030221 | Đỗ Quang     | Tuyền | 3/12/1993  | 7  | 5  | 7  | b  | 4,8        | Thiếu Ban |         |
| 522 | DTK1151020056 | Lăng Thị     | Vân   | 3/3/1994   | 8  | 8  | 8  | 9  | 8,3        | Đạt       |         |
| 523 | DTK1151020289 | Phan Thanh   | Vân   | 29/06/93   | 8  | 8  | 7  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 524 | K125520216076 | Đặng Thị     | Vân   | 23/09/94   |    | 7  |    | 7  | 3,5        | Thiếu Ban |         |
| 525 | 1141100021    | Lý Văn       | Vân   | 21/09/89   | 6  | 8  | 7  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 526 | DTK0951020069 | Nguyễn Khang | Vân   | 10/6/1991  | 4  |    | 7  |    | 2,8        | Thiếu Ban |         |
| 527 | DTK0951020789 | Nguyễn Đức   | Vị    | 28/12/88   | B  | 6  | B  | B  | 1,5        | Thiếu Ban |         |
| 528 | DTK0951020356 | Trịnh Văn    | Việt  | 25/10/91   | 7  | 7  | 8  |    | 5,5        | Thiếu Ban |         |
| 529 | DTK0951020790 | Nguyễn Khắc  | Việt  | 9/10/1990  |    |    | 7  |    | 1,8        | Thiếu Ban |         |
| 530 | DTK1051030211 | Thân Văn     | Việt  | 22/10/92   | 7  | 5  | 5  | 5  | 5,5        | Đạt       |         |
| 531 | DTK1051030442 | Đặng Văn     | Việt  | 17/03/91   | 9  | 6  | 7  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 532 | DTK1151020409 | Nguyễn Hồng  | Việt  | 20/03/93   | 7  | 7  | 8  | 8  | 7,5        | Đạt       |         |
| 533 | DTK1151020467 | Nguyễn Quốc  | Việt  | 23/11/93   | 8  |    |    |    | 2,0        | Thiếu Ban |         |
| 534 | DTK1151020468 | Trịnh Quang  | Việt  | 19/11/92   | 9  | 8  | 6  | 7  | 7,5        | Đạt       |         |
| 535 | DTK1151030170 | Đỗ Đức       | Việt  | 23/12/93   | 8  | 6  | 8  | 7  | 7,3        | Đạt       |         |
| 536 | 1141100029    | Bế Trọng     | Vinh  | 13/12/91   | 6  | 7  | 8  | 7  | 7,0        | Đạt       |         |
| 537 | DTK0951020793 | Đoàn Quang   | Vịnh  | 11/10/1987 | 8  | 8  |    | 7  | 5,8        | Thiếu Ban |         |
| 538 | LAOS115001    | Bun Tha      | Von   | 11/11/1988 | 8  | 9  | 8  | 7  | 8,0        | Đạt       |         |
| 539 | DTK0951020794 | Nguyễn Đình  | Vũ    | 12/7/1989  | 8  | 1  |    | 6  | 3,8        | Thiếu Ban |         |

| STT | Mã số SV      | Họ              | Tên   | Ngày sinh | ĐL | ĐT | TB | MĐ | Trung bình | Xét       | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------|-------|-----------|----|----|----|----|------------|-----------|---------|
| 540 | DTK0951020795 | Nguyễn Duy      | Vũ    | 12/6/1991 | 7  |    |    |    | <b>1,8</b> | Thiếu Ban |         |
| 541 | DTK1051020165 | Hoàng Tuấn      | Vũ    | 29/08/92  |    |    | 6  | 5  | <b>2,8</b> | Thiếu Ban |         |
| 542 | DTK1051020247 | Nguyễn Duy      | Vũ    | 12/6/1991 |    | 1  |    |    | <b>0,3</b> | Thiếu Ban |         |
| 543 | DTK1151020228 | Nguyễn Tuấn     | Vũ    | 20/05/92  |    | 5  | 6  | 8  | <b>4,8</b> | Thiếu Ban |         |
| 544 | DTK1151020469 | Hòa Quang       | Vũ    | 19/03/93  | 9  | 5  | 8  | 8  | <b>7,5</b> | Đạt       |         |
| 545 | DTK1051020409 | Bùi Đình        | Vương | 29/10/92  | 4  | 6  | 7  | 7  | <b>6,0</b> | Đạt       |         |
| 546 | DTK1151020407 | Khổng Minh      | Vương | 6/10/1993 | 8  | 7  | 8  | 7  | <b>7,5</b> | Đạt       |         |
| 547 | DTK0951020796 | Nguyễn Văn      | Vượng | 7/5/1992  |    |    |    | 6  | <b>1,5</b> | Thiếu Ban |         |
| 548 | DTK1051020680 | Lê Thanh        | Toàn  | 20/12/91  | 8  | 8  | 5  | 7  | <b>7,0</b> | Đạt       | Nhu cầu |
| 549 | DTK1151060004 | Trịnh Thị Thanh | Hồng  | 28/07/93  | 8  |    |    |    |            | Thiếu Ban | Nhu cầu |
| 550 | DTK0951020044 | Lê Duy          | Ngọc  | 20/11/91  | 8  | 8  |    |    |            | Thiếu Ban | Nhu cầu |
| 551 | DTK1051020288 | Nguyễn Văn      | Năng  | 26/11/91  | 9  |    |    |    |            | Thiếu Ban | Nhu cầu |
| 552 | DTK1051020406 | Nguyễn Văn      | Tuấn  | 25/07/92  | 8  | 8  | 8  | 6  | <b>7,5</b> | Đạt       |         |
| 553 | DTK1051020226 | Nguyễn Công     | Thắng | 09/10/92  | 9  | 9  | 8  | 8  | <b>8,5</b> | Đạt       |         |

**Ấn định danh sách: 553 SV**